

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 64/2022/HS-ST

Ngày: 06-9-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đặng Thị Tâm và bà H'Loan.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thuý Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

**Danh H**, sinh năm 1982, tại tỉnh Kiên Giang; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 7, ấp An Tr, xã Định A, huyện Gò Q, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: Không nhất định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Khơ Me; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh C (đã chết) và bà Võ Thị S; chưa có vợ, con; nhân thân: Bản án Hình sự sơ thẩm số 29/2014/HSST ngày 12/8/2014 của TAND huyện Gò Q, tỉnh Kiên Giang xử phạt 8 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, ngày 21/12/2014 chấp hành xong hình phạt tù; bị bắt tạm giữ ngày 01/11/2021; đang tạm giam; có mặt.

**- Bị hại:** Ông Đào Xuân D, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

**- NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Danh H là đối tượng sống lang thang tại địa bàn thành phố Gia Nghĩa, khoảng 20 giờ, ngày 31/10/2022, H một mình đi bộ từ hướng Ngã ba Sùng Đức đến cầu vượt Gia Nghĩa. Khi đi ngang qua nhà ông Đào Xuân D thuộc tổ dân phố 2, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, thấy xe ô tô, BKS 48C-040.37, của ông D dừng đỗ trên vỉa hè trước nhà ông D, cửa kính xe đang hạ xuống, chìa khóa điện đang cắm vào ổ khóa nên H nảy sinh ý định trộm cắp. Sau khi quan sát xung quanh, thấy không có người, H mở cửa xe rồi lên ngồi ở ghế lái, nổ máy xe và điều

khởi xe đến phòng trọ của bạn là Trần Quốc L tại tổ dân phố 1, phường Nghĩa Tân chơi, trên đường đi ngang qua trước cửa nhà bà Nguyễn Thị Kim Nh thì xe bị mắc lầy không di chuyển được nên Hiếu đạp lớn ga, gây ra tiếng gầm rú, lúc này bà Nh từ trong nhà đi ra nói với H “*Đây là đường cụt, đi xe vào đây làm gì, đừng gây ồn ào nữa*”. Nghe vậy, H quát mắng bà Nh, nên bà đi vào nhà gọi điện thoại cho ông Trần Đại Ngh và ông Bùi Văn Th là bảo vệ tổ dân phố đến để giải quyết. Khi ông Th và ông Ngh đến gặp H nói chuyện thì H bỏ chạy và để lại chiếc xe ô tô, BKS 48C-040.37, ông Th đã trình báo vụ việc đến cơ quan công an.

Kết luận định giá tài sản số 103/KL-HĐĐG ngày 04/141/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự thành phố Gia Nghĩa kết luận: Xe ô tô, BKS 48C-040.37 có trị giá là 76.500.000đ.

Cáo trạng số 54/CT-VKS-GN ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo Danh H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai báo hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Danh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Danh H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

**Xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị chấp nhận Công an thành phố Gia Nghĩa trả xe ô tô BKS 48C-040.37 cho ông Đào Văn D.

Bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 20 giờ, ngày 31/10/2021, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản Danh H đã lén lút trộm cắp của ông D xe ô tô, BKS 48C-040.37. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 76.500.000đ. Vì vậy, có đủ căn cứ

pháp lý để kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

*c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”*

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi mà cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Mặt khác, bị cáo đã từng bị kết án về tội chiếm đoạt nên cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo thì mới có đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản, ông D không có yêu cầu gì nên không đề cập xử lý.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Xét thấy, Công an thành phố Gia Nghĩa trả xe ô tô BKS 48C-040.37 cho ông D là có căn cứ, cần chấp nhận.

[8] Xét các chứng cứ buộc tội và quan điểm xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đối với bị cáo là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

**1. Tuyên bố bị cáo Danh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.**

Xử phạt bị cáo Danh H 02 năm tù; thời hạn chấp hành tính từ ngày bắt tạm giữ 01/11/2021.

**2. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận Công an thành phố Gia Nghĩa trả cho ông D xe ô tô, BKS 48C-040.37 là chủ sở hữu hợp pháp.

**3. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Danh H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
*Đã ký*